

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HS-ST
Ngày 21 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/HSST-QĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Phạm Thị O, sinh năm 1991 tại Hà Nam; tên gọi khác: Không; nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Thôn T1, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963; chồng: Trương Văn H, sinh năm 1989 (đã ly hôn), có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07 tháng 12 năm 2023, chuyển tạm giam từ ngày 16 tháng 12 năm 2023 đến nay; có mặt.

*** Bị hại:** Anh K K R, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số nhà 2004, chung cư M, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Nơi làm việc: Công ty TNHH D A; địa chỉ trụ sở: Nhà xưởng số 4, lô D10, đường D và N, khu công nghiệp C, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Phạm Văn N, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T 1, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Ông Tạ Duy H1, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 18, tổ M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. Anh Trần Văn H2, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2017, Phạm Thị O làm việc tại Công ty Dong A thuộc khu công nghiệp C, thành phố P có quan hệ tình cảm với anh C S I, quốc tịch Hàn Quốc. Sau đó, O thường đến căn hộ 2004 chung cư M thuộc tổ 1, phường Q, thành phố P do Công ty D A thuê cho anh C S I chơi và ngủ lại qua đêm ở đó. Khoảng tháng 6/2022, anh K K R quốc tịch Hàn Quốc sang Việt Nam làm việc tại Công ty D A và được công ty cho đến ở tại căn hộ số 2004 chung cư M cùng anh C S I. Đến cuối năm 2022, anh C S I về Hàn Quốc, trước khi về anh C S I có đưa chìa khóa căn hộ 2004 và thẻ sử dụng thang máy cho O giữ nên O có thể ra vào căn hộ này. Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2023 đến tháng 11/2023, O đã ba lần trộm cắp tài sản của anh K K R, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày đầu tháng 9/2023 (O không nhớ ngày cụ thể), do bị hỏng xe mô tô gần chung cư M nên O đã gửi xe ở tầng hầm của chung cư M rồi lên phòng 2004 xin ngủ nhờ qua đêm thì được anh K K R đồng ý. Sau khi ngồi nói chuyện khoảng 30 phút thì anh K K R vào phòng ngủ. Lúc này O thấy một chiếc túi đeo chéo màu đen của anh K K R để trên sofa ở phòng khách nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. O mở túi vải ra thấy bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000đ nên đã lấy số tiền 2.000.000đ từ trong túi vải của anh K K R rồi để túi lại vị trí cũ. Sau đó O về phòng ngủ đến sáng hôm sau thì về nhà, số tiền trộm cắp được O đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 25/10/2023, O đến căn hộ số 2004 chung cư M để hỏi vay tiền anh K K R. Sau khi ngồi nói chuyện với nhau tại phòng khách thì anh K K R đi vào phòng bếp. Lúc này O thấy chiếc túi vải đeo chéo màu đen của anh K K R để trên sofa ở phòng khách nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. O mở túi vải ra lấy số tiền 400USD (bốn trăm đô la Mỹ), 100.000 Won (một trăm nghìn Won Hàn Quốc) và 1.800.000đ trong túi vải của anh K K R. Sau khi lấy trộm tiền trong túi vải, O để lại chiếc túi về vị trí cũ. Khi anh K K R quay trở lại phòng khách, O nói chuyện với anh K K R một lúc rồi ra về. Đến sáng ngày 26/10/2023 O đến Công ty TNHH vàng bạc D tại tổ 1, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam gặp ông Tạ Duy H1 là người đại diện bán 400USD cho ông H1 với giá 9.600.000đ, 100.000Won với giá 1.700.000đ, số tiền trộm cắp được O tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Khoảng gần 10 giờ sáng ngày cuối tháng 11/2023 (O không nhớ ngày cụ thể), O điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 90B2-912.39 đến căn hộ số 2004 chung cư M để lấy đồ dùng cá nhân. Khi đến nơi, O bấm chuông nhưng không có ai mở cửa nên O dùng chìa khóa có sẵn tự mở cửa để vào phòng. Khi vào trong phòng, O thấy tủ đựng quần áo của anh K K R đang mở, trong tủ có hai chiếc phong bì, O nghĩ bên trong có tiền nên đã nảy sinh ý định lấy tiền trong hai chiếc phong bì này. O tiến lại gần tủ quần áo, mở hai phong bì ra và lấy trộm được số tiền 28.000.000đ của anh K K R. Sau đó O để hai chiếc phong bì vào vị trí cũ rồi khóa cửa phòng 2004 và rời đi. Sau khi lấy trộm tiền của anh K K R, O điều khiển xe mô tô đến cửa hàng mua bán điện thoại di động N tại thôn 2, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam gặp anh Trần Văn H2 mua một chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 màu trắng với giá 9.000.000đ, số tiền còn lại O tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 05/12/2023, anh K K R đã đến Công an phường Q trình báo sự việc.

Ngày 06/12/2023 Phạm Thị O đã đến Công an phường Q đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Đồ vật, tài sản tạm giữ gồm:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu trắng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu đỏ biển kiểm soát 90B2-912.39, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Thị O.

+ 01 thẻ sử dụng thang máy số No:00103, 01 chìa khóa bằng kim loại màu trắng in dòng chữ VN.LOCK.

Ngày 07/12/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý đã thi hành lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Thị O ở thôn T 1, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Kết quả khám xét không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Ngày 18/12/2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hà Nam đã có Công văn số 967/HNA-THNS cung cấp như sau:

“- Tỷ giá trung tâm Đô la Mỹ tại thời điểm ngày 25/10/2023 so với đồng Việt Nam như sau: 1 Đô la Mỹ = 24.087VNĐ.

- Tỷ giá chéo của đồng Việt Nam so với Won Hàn Quốc tại thời điểm ngày 25/10/2023 áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố như sau: 1 Won Hàn Quốc = 17.83264VNĐ”.

Tại Kết luận định giá tài sản số 133/KL-HĐĐGTS ngày 29/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý kết luận:

“- Giá 400USD (Bốn trăm đô la Mỹ) thời điểm ngày 25/10/2023 là 9.634.800VNĐ.

- Giá 100.000Won (Một trăm nghìn Won) thời điểm ngày 25/10/2023 là 1.783.264VNĐ”.

* Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKS-PL ngày 31/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã truy tố Phạm Thị O về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Phạm Thị O theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến thay đổi, bổ sung. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 35, 38, 50 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Phạm Thị O mức án từ 15 đến 18 tháng tù, được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam. Đề nghị phạt tiền bổ sung bị cáo từ 1.000.000đ đến 3.000.000đ để sung Ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 90B2-912.39 và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 141504 mang tên Phạm Thị O. Trả lại anh K K R 01 thẻ sử dụng thang máy số No: 00103 và 01 chìa khóa bằng kim loại màu trắng in dòng chữ VN.LOCK.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại và bị hại đã nhận đủ tiền, không có yêu cầu về bồi thường dân sự nên không đề cập.

Về án phí hình sự: Bị cáo phải chịu theo pháp luật quy định.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cơ bản như bản cáo trạng đã mô tả, không tranh luận, bào chữa mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt tù; bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, đã ly hôn chồng, đang trực tiếp nuôi một con chung sau ly hôn nên xin giảm phạt tiền bổ sung cho bị cáo.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn N có quan điểm: Anh là em ruột của bị cáo O, khi ra đầu thú Phạm Thị O đã tác động nên anh N đã dùng tài sản của mình để bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại. Nay anh N và bị cáo O tự giải quyết mà không yêu cầu Tòa phải xem xét khoản tiền đã bồi thường nêu trên, chỉ đề nghị Tòa án khoan hồng để Phạm Thị O sớm trở về gia đình, lao động, nuôi con, chăm sóc cha mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện, các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy HĐXX vẫn tiến hành xét xử và công bố lời khai là đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị O đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ, bản kết luận của Cơ quan định giá tài sản, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập theo trình tự luật định. Như vậy, HĐXX có đủ chứng cứ buộc tội để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2023 đến cuối tháng 11/2023 tại căn hộ số 2004 chung cư M thuộc tổ 1, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản, Phạm Thị O đã ba lần lén lút chiếm đoạt tiền của anh K K R cụ thể như sau: lần thứ nhất khoảng đầu tháng 9/2023, Phạm Thị O trộm cắp số tiền 2.000.000đ; lần thứ hai ngày 25/10/2023, Phạm Thị O trộm cắp số tiền 1.800.000đ, 400USD (đô la Mỹ), 100.000Won (Won Hàn Quốc) tương đương số tiền 13.218.064đ; lần thứ ba khoảng cuối tháng 11/2023 O chiếm đoạt số tiền 28.000.000đ. Như vậy tổng số tiền Phạm Thị O đã lén lút chiếm đoạt của anh K K R là 43.218.064đ. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Quan

điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, sau khi phạm tội đã đầu thú, tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại. Tại phiên tòa gia đình bị cáo xuất trình đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của địa phương nơi cư trú; bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang điều trị bệnh cường giáp, hiện làm mẹ đơn thân nuôi con còn rất nhỏ, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Thị O đã ba lần trộm cắp tài sản với số tiền đều trên 2.000.000đ và dưới 50.000.000đ đủ yếu tố cấu thành tội phạm, các lần phạm tội đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa bàn, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong việc bảo quản tài sản của người dân. Hành vi của bị cáo còn thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, phạm tội với người nước ngoài làm ảnh hưởng hình ảnh tốt đẹp của con người Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế. Cần nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cần tuyên mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ cải tạo, giáo dục đối với chính bị cáo và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm chung trong cộng đồng.

- Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất, mức độ phạm tội và mục đích trục lợi nên cần áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền để răn đe, nhưng cũng xem xét hoàn cảnh khó khăn, kinh tế cụ thể của bị cáo để giảm nhẹ khi ấn định mức phạt tiền cho phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Phạm Văn N là em trai bị cáo đã bồi thường cho anh K K R số tiền 43.550.000đ, anh K K R đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu, đề nghị gì khác về dân sự. Đối với số tiền anh Phạm Văn N đã bồi thường cho anh K K R, anh N không yêu cầu bị cáo Phạm Thị O phải hoàn trả mà tự thỏa thuận giải quyết nên không xem xét về trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

[7] Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu trắng là tài sản mà

Phạm Thị O đã sử dụng số tiền trộm cắp của anh K K R để mua, tuy nhiên việc bồi thường đã giải quyết xong nên cần trả lại điện thoại cho bị cáo.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu đỏ biển kiểm soát 90B2-912.39; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Thị O là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo O.

- Đối với 01 thẻ sử dụng thang máy số No:00103; 01 chìa khóa bằng kim loại màu trắng in dòng chữ VN.LOCK là chìa khóa của căn hộ 2004 chung cư M hiện đang thuộc quyền quản lý và sử dụng của anh K K R nên cần trả lại cho anh K K R.

[8] Về các vấn đề khác của vụ án:

- Đối với hành vi bán điện thoại di động của anh Trần Văn H2 cho Phạm Thị O, quá trình điều tra xác định anh H2 không biết số tiền O sử dụng để mua điện thoại là do O trộm cắp mà có nên hành vi của anh H2 không cấu thành tội phạm.

- Đối với hành vi mua bán ngoại tệ của ông Tạ Duy H1 và Phạm Thị O quá trình điều tra xác định ông H1 không biết số tiền ngoại tệ O bán là tiền do O trộm cắp mà có nên hành vi của ông H2 không cấu thành tội phạm. Quá trình điều tra xác định Công ty TNHH vàng bạc D do ông Tạ Duy H1 là người đại diện theo pháp luật không được cấp phép mua, bán, thu, đổi ngoại tệ nhưng vào ngày 26/10/2023 ông H1 đã thực hiện hành vi mua 400USD (Đô la Mỹ) với giá 9.600.000đ và 100.000Won (Một trăm nghìn Won Hàn Quốc) với giá 1.700.000đ của Phạm Thị O. Ngày 19/01/2023 Công an thành phố Phủ Lý đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH vàng bạc D và Phạm Thị O là phù hợp quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35, Điều 38, Điều 47, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Phạm Thị O phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị O 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 12 năm 2023. Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Phạm Thị O 1.000.000đ (Một triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

2/ Xử lý vật chứng:

- Trả lại bị cáo Phạm Thị O 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 mặt lưng màu trắng số máy: MGHP3J/A, số IMEI: 355984576034322, số IMEI2: 355984576161232; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu sơn đỏ, biển kiểm soát 90B2-912.39, số khung: RLHJF6321HZ218605, số máy JF63E2262494 và 01

chứng nhận đăng ký xe mô tô số 141504 cấp cho xe mô tô biển số 90B2-912.39 tên chủ xe Phạm Thị O.

- Trả lại anh K K R 01 thẻ sử dụng thang máy số N0:00103 và 01 chìa khóa bằng kim loại màu trắng in dòng chữ VN.LOCK.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 05/02/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý).

3/ Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Thị O phải nộp: 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- CQ CSĐT CA TP Phủ Lý;
- Cơ quan THAHS có thẩm quyền;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Mai Oanh